

Số: *23A* /QĐ-UBND

Long Hồ, ngày *08* tháng *01* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp huyện và số bổ sung ngân sách cấp xã, thị trấn năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Thực hiện Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2021;

Thực hiện Quyết định số 617/QĐ-STC ngày 15/12/2020 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện khóa 11, kỳ họp thứ 13 về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2021, phương án phân bổ ngân sách cấp huyện và số bổ sung ngân sách xã, thị trấn năm 2021;

Thực hiện Quyết định số 7486/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2021;

Xét Tờ trình số 01/TTr.TCKH ngày 04/01/2021 của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của huyện Long Hồ (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KBNN huyện;

Gửi UBND:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- LĐVP, NC;
- Lưu: VT (Thêm 6b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Thị Mỹ Hạnh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	477.231
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	129.920
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	49.320
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	80.600
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	347.311
-	Thu bổ sung cân đối	286.806
-	Thu bổ sung có mục tiêu	60.505
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	477.231
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	477.231
1	Chi đầu tư phát triển	41.176
2	Chi thường xuyên	428.555
3	Dự phòng ngân sách	7.500
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	464.332
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	117.021
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	347.311
-	Thu bổ sung cân đối	286.806
-	Thu bổ sung có mục tiêu	60.505
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	464.332
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	399.758
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	64.574
-	Chi bổ sung cân đối	57.078
-	Chi bổ sung có mục tiêu	7.496
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	77.473
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	12.899
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	64.574
-	Thu bổ sung cân đối	57.078
-	Thu bổ sung có mục tiêu	7.496
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	77.473

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	133.700	129.920
I	Thu nội địa	133.700	129.920
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	450	-
	Thuế giá trị gia tăng	450	
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	830	-
	-Thuế giá trị gia tăng	400	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	430	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	56.500	56.500
	- Thuế giá trị gia tăng	48.620	48.620
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.800	6.800
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	180	180
	- Thuế tài nguyên	900	900
4	Thuế thu nhập cá nhân	25.000	25.000
5	Thuế bảo vệ môi trường		-
6	Lệ phí trước bạ	10.000	10.000
7	Thu phí, lệ phí	3.900	2.900
	Trong đó: - Thu phí, lệ phí trung ương	1.000	
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	620	620
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	200	200
11	Thu tiền sử dụng đất	30.000	30.000
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-
14	(Chi tiết theo sắc thuế)		-
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		-
16	Thu khác ngân sách	6.200	4.700
	Trong đó: - Thu khác ngân sách TW	1.500	-
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
II	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN
CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			cấp huyện	cấp xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	477.231	399.758	77.473
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	477.231	399.758	77.473
I	Chi đầu tư phát triển	41.176	41.176	0
1	Chi đầu tư cho các dự án	17.176	17.176	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
2	Chi đầu tư phát triển khác (20% nguồn thu tiền SDĐ)	24.000	24.000	
3	Chi bổ sung mục tiêu vốn đầu tư	0	0	
II	Chi thường xuyên	428.555	352.292	76.263
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	237.238	235.993	1.245
2	Chi khoa học và công nghệ	210	210	
III	Dự phòng ngân sách	7.500	6.290	1.210
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2021*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	464.332
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	64.574
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	399.758
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	41.176
1	Chi đầu tư cho các dự án	41.176
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	352.292
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	221.833
2	Chi khoa học và công nghệ	135
3	Chi y tế, dân số và gia đình	50
4	Chi văn hóa thông tin	2.650
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
6	Chi thể dục thể thao	
7	Chi bảo vệ môi trường	3.700
8	Chi các hoạt động kinh tế	31.574
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	25.729
10	Chi bảo đảm xã hội	41.593
11	Chi nguồn điều hành TT UBH <i>(trong đó có Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề : 4.400 trđ, Chi khoa học và công nghệ: 75trđ)</i>	13.745
12	Chi quốc phòng - AN	3.181
13	Chi khác ngân sách <i>(trong đó chi khen thưởng cho GV từ nguồn SNGD: 1.360 trđ)</i>	2.874
14	Chi tiết kiệm 10% cải cách lương	5.227
III	Dự phòng ngân sách	6.290
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	399.758	41.176	352.292	6.290		-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	393.468	41.176	352.292	-	-	-	-	-	-
1	Văn Phòng HĐND - UBND	4.733		4.733						
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	7.414		7.414						
3	Phòng Tư Pháp	732		732						
4	Phòng Tài chính - KH	7.736	5.817	1.919						
5	Phòng Kinh tế và hạ tầng	12.138	2.050	10.088						
6	Phòng Giáo dục và đào tạo	230.458	2.750	227.708						
7	TT GDNN & GDTX	2.420		2.420						
8	Phòng Y tế	464		464						
9	Phòng LĐTB và XH	42.564		42.564						
10	Phòng VH và TT	929		929						
11	TT văn hóa -TT	2.605		2.605						
12	Phòng Tài nguyên và MT	8.634		8.634						
13	Phòng Nội vụ	1.814		1.814						
14	Thanh tra	893		893						
15	Văn phòng Huyện ủy	7.190		7.190						
16	TT bồi dưỡng chính trị	786		786						
17	Đài truyền thanh	-		-						
18	Mặt trận tổ quốc	872		872						
19	Huyện đoàn	654		654						
20	Hội Liên hiệp phụ nữ	592		592						
21	Hội nông dân	606		606						
22	Hội Cựu chiến binh	346		346						
23	Hội Chữ thập đỏ	411		411						
24	Hội Luật gia	93		93						
25	Hội người cao tuổi	116,0		116						
26	Hội chất độc da cam	93,5		93						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
27	Hội Người Khuyết tật, bệnh nhân nghèo	93,5		93						
28	Hội Người tù kháng chiến	105,9		106						
29	Hội khuyến học	93,5		93						
30	Hội sinh vật cảnh	25,0		25						
31	Hội Đông Y	184,3		184						
32	Công an	294		294						
33	Ban chỉ huy quân sự	2.887		2.887						
34	Nguồn phân khai sau	13.745		13.745						
35	Khen thưởng GV từ nguồn SNGD	1.360		1.360						
36	Ban QLDA đầu tư XD huyện	33.559	30.559	3.000						
37	Tiền điện hộ nghèo, thoát nghèo	600		600						
38	Tiết kiệm 10% Cải cách lương	5.227		5.227						
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	6.290			6.290					
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-								
IV	CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH XÃ	-								
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-								

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ																	
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	AN NINH	QUỐC PHÒNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ				CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, HỘI ĐẶC THÙ	CHI KHÁC NS	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	Cải cách lương
													SN KINH TẾ KHÁC	CHI GIAO THÔNG	KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ	352.292	235.993	210	50	2.650	-	-	3.700	294	2.887	25.204	4.105	4.700	9.100	7.299	32.969	1.514	41.593	5.227
1	Văn Phòng HĐND - UBND	4.733	20			-						250			250		4.463			
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	7.414										6.615				6.615	799			
3	Phòng Tư Pháp	732										-					732			
4	Phòng Tài chính - KH	1.919										179	25			154	1.740			
5	Phòng Kinh tế và hạ tầng	10.088		135								8.800		4.700	4.100		1.153			
6	Phòng Giáo dục và đào tạo	227.708	226.892									-					816			
7	TT GDNN & GDTX	2.420	2.420									-								
8	Phòng Y tế	464			50							-					414			
9	Phòng LĐTB và XH	42.564										-					1.141		41.423	
10	Phòng VH và TT	929	-			45						-					884			
11	TT văn hóa -TT	2.605			2.605							-								
12	Phòng Tài nguyên và MT	8.634							3.700			4.080	4.080				854			
13	Phòng Nội vụ	1.814	-									-					900	914		
14	Thanh tra	893										-					893			
15	Văn phòng Huyện ủy	7.190	100									250			250		6.670		170	
16	TT bồi dưỡng chính trị	786	786									-								
17	Đài truyền thanh	-										-								
18	Mặt trận tổ quốc	872										-					872			
19	Huyện đoàn	654	10									-					644			
20	Hội Liên hiệp phụ nữ	592										-					592			
21	Hội nông dân	606	5									-					601			
22	Hội Cựu chiến binh	346										-					346			
23	Hội Chữ thập đỏ	411	-									-					411			
24	Hội Luật gia	93										-					93			
25	Hội người cao tuổi	116										-					116			
26	Hội chất độc da cam	93										-					93			
27	Hội Người Khuyết tật, bệnh nhân nghèo	93										-					93			
28	Hội Người tù kháng chiến	106										-					106			
29	Hội khuyến học	93										-					93			
30	Hội sinh vật cảnh	25										-					25			
31	Hội Đồng Y	184										-					184			
32	Công an	294							294			-								
33	Ban chỉ huy quân sự	2.887									2.887	-								
34	Khen thưởng GV từ nguồn SNGD	1.360	1.360									-								
35	Ban QLDA đầu tư XD huyện	3.000										3.000			3.000					
36	Tiền điện hộ nghèo	600										-						600		
37	Tiết kiệm 10% cải cách lương	5.227										-								5.227
38	Nguồn điều hành của TT UBND huyện	13.745	4.400	75								-	2.030	-	1.500	530	7.240	-	-	

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân cấp				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	77.473	12.899	1.118	11.781	64.574	-	-	77.473
1	Long Phước	5.135	1.222	63	1.159	3.914			5.135
2	Long An	4.724	605	55	550	4.118			4.724
3	Thị Trấn	4.860	1.072	40	1.032	3.788			4.860
4	Lộc Hòa	4.809	657	81	576	4.152			4.809
5	Tân Hạnh	6.331	1.932	130	1.802	4.399			6.331
6	Thanh Đức	5.930	1.999	140	1.859	3.931			5.930
7	Phú Quới	5.593	1.329	100	1.229	4.264			5.593
8	An Bình	4.995	318	42	276	4.677			4.995
9	Phước Hậu	4.750	917	90	827	3.833			4.750
10	Bình H Phước	4.633	359	72	287	4.274			4.633
11	Đồng Phú	6.538	312	105	207	6.226			6.538
12	Hòa Phú	5.252	1.130	65	1.065	4.121			5.252
13	Thanh Quới	4.577	244	50	194	4.333			4.577
14	Phú Đức	4.781	562	55	507	4.219			4.781
15	Hoà Ninh	4.567	241	30	211	4.325			4.567

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	7.496	-	7.496	-
1	Long Phước	139		139	
2	Long An	115		115	
3	Thị Trấn	880		880	
4	Lộc Hòa	135		135	
5	Tân Hạnh	1.140		1.140	
6	Thanh Đức	1.136		1.136	
7	Phú Quới	1.009		1.009	
8	An Bình	155		155	
9	Phước Hậu	144		144	
10	Bình H Phước	130		130	
11	Đồng Phú	1.202		1.202	
12	Hòa Phú	943		943	
13	Thanh Quới	105		105	
14	Phú Đức	148		148	
15	Hoà Ninh	116		116	

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2020			Kế hoạch vốn năm 2021						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn					
							Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh		Ngân sách cấp huyện	Ngoài nước		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện		Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG					623.809	0	417.100	206.709	50.270	0	32.700	17.570	50.270	0	32.700	17.570	41.176	0	0	41.176
I	LĨNH VỰC TRƯỞNG HỌC					310.181	0	215.600	94.581	3.915	0	0	3.915	3.915	0	0	3.915	8.800	0	0	8.800
a	Chuyển từ đầu tư					146.535	0	107.300	59.235	0	0	0	0	0	0	0	0	1.950	0	0	1.950
1	Trường mầm non Thanh Đức, huyện Long Hồ	Ấp Cái Sơn Lớn, xã Thanh Đức	Xây dựng mới 02 phòng học, khối HCQT-phục vụ học tập (trừ phòng y tế) và nhà ăn. Các hạng mục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị. DT sử dụng đất 4.096,4m ² (đất công)	2021-2025	QĐ số 2085/QĐ-UBND ngày 13/8/2020	13.255		9.800	3.455	0				0				100			100
2	Trường Tiểu học Thanh Đức C, huyện Long Hồ	ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức	Xây dựng mới khối hành chánh quản trị phục vụ học tập, khối tổ chức nhà ăn. Cải tạo sửa chữa: 12 phòng hiện trạng, 10 phòng học, phòng nghỉ GV, phòng y tế,..., thiết bị và cải tạo các hạng mục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật. DT sử dụng đất 4.810 m ² (đất công 1.810m ² , thu hồi 3.000 m ²)	2021-2025	- Chủ trương đầu tư số 2088/QĐ-UBND ngày 13/8/2020. - Phê duyệt dự án số 2942/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	21.759		13.200	8.559	0				0				100			100
3	Trường mầm non An Bình, huyện Long Hồ	ấp An Thành, xã An Bình	xây dựng mới 06 phòng học, khối hành chính quản trị - phục vụ học tập, khối tổ chức ăn, xây dựng mới và cải tạo nâng cấp các hạng mục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị. DT sử dụng đất 4.705,8m ² (đất công 1.705,8m ² và thu hồi 3.000m ²)	2021-2025	QĐ số 2094/QĐ-UBND ngày 13/8/2020	25.473		15.900	9.573	0				0				150			150
4	Trường THCS An Bình, huyện Long Hồ	xây dựng vị trí mới ấp An Thuận, xã An Bình	Cải tạo sửa chữa các công trình hiện trạng. Xây dựng mới: khối phòng học bộ môn và khối phụ trợ. Xây dựng các hạng mục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị. Diện tích sử dụng đất 6.149,38m ² (đất công 4.149,38m ² và thu hồi 2.000m ²)	2021-2025	QĐ số 2087/QĐ-UBND ngày 13/8/2020	27.660		17.500	10.160	0				0				400			400
5	Trường THCS Đồng Phú, huyện Long Hồ	xây dựng vị trí mới ấp Phú Thanh 4, xã Đồng Phú	Xây mới 12 phòng học, khối phòng hành chính quản trị - phục vụ học tập, các phòng học bộ môn. Xây dựng các hạng mục phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật. Thiết bị. Diện tích sử dụng đất 8.500 m ² (đất thu hồi của dân)	2021-2025	QĐ số 2097/QĐ-UBND ngày 13/8/2020	51.257		30.000	21.257	0				0				700			700
6	Trường mầm non Đồng Phú, huyện Long Hồ	ấp Phú Thanh 1, xã Đồng Phú	Xây mới 04 phòng học, khối phòng hành chính quản trị - phục vụ học tập, khối tổ chức ăn. Xây dựng và cải tạo các hạng mục phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật. Thiết bị. Diện tích sử dụng đất 5.497,6 m ² (đất công)	2021-2025	QĐ số 2093/QĐ-UBND ngày 13/8/2020	14.842		11.500	3.342	0				0				100			100
7	Trường tiểu học Bình Hòa Phước A	Ấp Bình Hòa 2, xã Bình Hòa Phước	Xây dựng mới các khối phòng thuộc: Khối HCQT, khối học tập, khối hỗ trợ học tập và khối phụ trợ (trừ 08 phòng học hiện có). Cải tạo khối 08 phòng hiện trạng. Các hạng mục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật. Mua sắm thiết bị (trừ thiết bị hiện có). Diện tích SDD 7.128 m ² (đất công)	2021-2025	QĐ số 2710/QĐ-UBND ngày 09/10/2020	12.289		9.400	2.889	0				0				400			400
b	Cộng trình triển khai thực hiện					143.046	0	108.300	35.246	3.915	0	0	3.915	3.915	0	0	3.915	6.850	0	0	6.850
1	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Long An A, huyện Long Hồ	Long An	Xây dựng trường đạt chuẩn QG để tái công nhận đến năm 2020	2021-2025	QĐ số 4100/QĐ-UBND ngày 26/6/2020	11.992		9.800	2.192	440			440	440				440	1.100		1.100
2	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Đồng Phú B, huyện Long Hồ	Đồng Phú	Xây dựng trường đạt chuẩn QG để tái công nhận đến năm 2020	2021-2025	QĐ số 4101/QĐ-UBND ngày 26/6/2020	6.010		4.600	1.410	226			226	226				226	850		850
3	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Hòa Phú, huyện Long Hồ	Hòa Phú	Xây dựng trường đạt chuẩn QG để tái công nhận đến năm 2020	2021-2025	QĐ số 4113/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	10.438		9.200	1.238	480			480	480				480	800		800
4	Trường mầm non Hòa Mi thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ	thị trấn Long Hồ	Xây dựng 12 phòng học, hành chính QT, nhà bếp, nhà ăn, nhà BV, SLMB, thiết bị và các hạng mục phụ trợ khác,... đảm bảo phục vụ giảng dạy và học tập	2021-2025	QĐ số 774/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	30.704		23.900	6.804	1.200			1.200	1.200			1.200	1.200			1.200

5	Trường mầm non Thanh Quới, huyện Long Hồ	ấp Thanh Phú, xã Thanh Quới	Xây dựng 04 phòng, khối HCQT phục vụ học tập, khối phòng tổ chức ăn, các hạng mục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập. DT sử dụng đất 4.907,9m ² (đất công 907,9m ² , thu hồi 4.000m ²)	2021-2025	- QĐ số 1989/QĐ-UBND ngày 04/8/2020. - QĐ số 2943/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 - Chủ trương đầu tư số: 1983/QĐ-UBND ngày 04/8/2020. - QĐ phê duyệt dự án đầu tư số 2927/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	22.358		13.900	8.458	576				576	576			576	1.000			1.000
6	Trường tiểu học Phú Quới A, huyện Long Hồ	ấp Phú Long A, xã Phú Quới	Nâng cấp mở rộng, cải tạo khối 04P dãy A + 08P dãy B + 08P dãy C + 08P dãy D, xây dựng thêm 02 phòng học, phòng HC phục vụ học tập, nhà vệ sinh, nhà BV, nhà xe, thiết bị và các hạng mục phụ khác	2021-2025	- QĐ số 1990/QĐ-UBND ngày 04/8/2020. QĐ số 3140/QĐ-UBND ngày 20/11/2020	23.797		19.500	4.297	500				500	500			500	400			400
7	Trường tiểu học Phú Quới C, huyện Long Hồ	ấp Phước Bình B, xã Phú Quới	Nâng cấp mở rộng, thu hồi 3.996,4 m ² đất, cải tạo khối 04 phòng học, khối 06 phòng học, xây dựng mới 11 phòng HC phục vụ học tập, nhà xe, nhà BV, thiết bị, SLMB và các hạng mục phụ khác	2021-2025	QĐ số 2708/QĐ-UBND ngày 09/10/2020	23.405		16.000	7.405	493				493	493			493	500			500
8	Trường mầm non Long Phước	Ấp Long Thuận, xã Long Phước	Xây dựng mới: 04 phòng học (phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em), khối HCQT- phục vụ học tập, khối tổ chức nhà ăn (giữ lại bếp ăn hiện trạng), Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật. Bổ sung trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Diện tích SDD 4.760,3 m ² (đất công)	2021-2025		14.943		11.400	3.543	0				0					1.000			1.000
II	LĨNH VỰC VĂN HÓA-XH					89.434	0	58.300	31.134	717	0	0	717	717	0	0	717	5.200	0	0	5.200	
a	Chuẩn bị đầu tư					63.227	0	44.400	18.827	192	0	0	192	192	0	0	192	800	0	0	800	
1	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Thanh Đức, huyện Long Hồ	Xây dựng tại ấp Thanh Sơn, xã Thanh Đức	Xây dựng mới hội trường 200 chỗ, 04 phòng chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạng mục phụ trợ, TB..., DT 6.000m2 (đất thu hồi của dân)	2021-2025	QĐ số 2127/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	14.378		9.800	4.578	65			65	65			65	200			200	
2	Nhà văn hóa, thể thao cụm ấp Long Hưng - Thanh Hưng - Hưng Quới - Long Quới, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ	xây dựng tại ấp Long Quới, xã Thanh Đức	Xây dựng mới hội trường 100 chỗ, trụ sở ấp, phòng truyền thanh, hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ, TB, DT sử dụng đất 1.000 m2 (đất thu hồi của dân)	2021-2025	QĐ số 2126/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	5.889	13.200	-7.311	0			0						50			50	
3	Trung tâm văn hóa - thể thao xã An Bình, huyện Long Hồ	xây dựng tại ấp An Thành, xã An Bình	Xây dựng mới hội trường 200 chỗ, 04 phòng chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạng mục phụ trợ, TB..., DT 6.000m2 (đất thu hồi của dân)	2021-2025	QĐ số 2132/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	14.539	5.400	9.139	65			65	65			65	200			200		
4	Nhà văn hóa, thể thao cụm ấp Bình Lương - An Thạnh - An Thuận, xã An Bình, huyện Long Hồ	xây dựng tại ấp Bình Lương, xã An Bình	Cải tạo, nâng cấp hội trường từ 60 chỗ lên 100 chỗ, trụ sở ấp, phòng truyền thanh, hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ, TB, DT sử dụng đất 1.500 m2 (đất công)	2021-2025	QĐ số 2136/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	4.074	2.600	1.474	0			0					50			50		
5	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Long An, huyện Long Hồ	xây dựng tại ấp An Hiệp, xã Long An	Xây dựng 04 phòng chức năng, hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục phụ trợ, TB, DT sử dụng đất 6.131m2 (đất công)	2021-2025	QĐ số 2077/QĐ-UBND ngày 13/8/2020	5.150	3.000	2.150	62			62	62			62	100			100		
6	Nhà văn hóa, thể thao cụm ấp Long Tân - Hậu Thành - An Lương B - Bà Lang, xã Long An, huyện Long Hồ	xây dựng tại ấp Long Tân, xã Long An	Xây dựng mới hội trường 100 chỗ, trụ sở ấp, phòng truyền thanh, hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ, TB, DT sử dụng đất 1.106,6 m2 (đất công)	2021-2025	QĐ số 2134/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	4.252	2.700	1.552	0			0					50			50		
7	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Đồng Phú, huyện Long Hồ	xây dựng tại ấp Phú Thạnh 1, xã Đồng Phú	Xây dựng mới hội trường 200 chỗ, 04 phòng chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạng mục phụ trợ, TB..., DT 2.500m2 (đất thu hồi của dân)	2021-2025	QĐ số 2128/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	10.872	5.100	5.772	0			0					100			100		
8	Nhà văn hóa, thể thao cụm ấp Phú Hòa 1 - Phú Hòa 2 - Phú Thuận 1 - Phú Thuận 2, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ	Xây dựng tại ấp Phú Thuận 1, xã Đồng Phú	Xây dựng mới hội trường 100 chỗ, trụ sở ấp, phòng truyền thanh, hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ, TB, DT sử dụng đất 1.500 m2 (đất công)	2021-2025	QĐ số 2181/QĐ-UBND ngày 21/8/2020	4.073	2.600	1.473	0			0					50			50		
b	Công trình triển khai thực hiện					26.207	0	13.900	12.307	525	0	0	525	525	0	0	525	4.400	0	0	4.400	
1	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Thanh Quới, huyện Long Hồ	xây dựng tại ấp Thanh Phú, xã TQ	Xây dựng mới hội trường 200 chỗ, 04 phòng chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạng mục phụ trợ, TB..., DT 6.000m2 (thu hồi đất của dân)	2021-2025	QĐ số 2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2020	13.155	6.000	7.155	242			242	242			242	1.700			1.700		
2	Nhà văn hóa, thể thao cụm ấp Hòa Thạnh 2 - Hòa Thạnh 3, xã Thanh Quới, huyện Long Hồ	xây dựng tại ấp Hòa Thạnh 2, xã TQ	Xây dựng mới hội trường 100 chỗ, trụ sở ấp, phòng truyền thanh, hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ, TB, DT sử dụng đất 1.100 m2 (đất công)	2021-2025	QĐ số 2067/QĐ-UBND ngày 13/8/2020	4.062	2.600	1.462	50			50	50			50	700			700		
3	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Phú Quới, huyện Long Hồ	Xây dựng tại ấp Phú Long A, xã PQ	Xây dựng mới hội trường 200 chỗ, 04 phòng chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạng mục phụ trợ, TB..., DT 2.500m2 (đất công)	2021-2025	QĐ số 2182/QĐ-UBND ngày 21/8/2020	8.990	5.300	3.690	233			233	233			233	2.000			2.000		
III	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC					36.479	0	23.000	13.479	10.659	0	7.000	3.659	10.659	0	7.000	3.659	2.300	0	0	2.300	
a	Chuẩn bị đầu tư					13.343	0	8.800	4.543	0	0	0	0	0	0	0	0	300	0	0	300	
1	Trung tâm hành chính xã Phú Quới, huyện Long Hồ	Xây dựng tại ấp Phú Long A, xã PQ	Xây dựng mới diện tích sàn 906m2 phục vụ 28 CB, CC xã, các hạng mục phụ trợ, thiết bị. Diện tích sử dụng đất 4.671,18m2 đất công	2021-2025	QĐ số 2499/QĐ-UBND ngày 21/9/2020	13.343	8.800	4.543	0			0					300			300		
b	Công trình chuyển tiếp					11.945	0	7.900	4.945	10.253	0	7.000	3.253	10.253	0	7.000	3.253	400	0	0	400	

1	Trụ sở làm việc UBND xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ	Tân Hạnh	XDM	2021-2025	QĐ số 5446/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	11.948		7.000	4.948	10.253		7.000	3.253	10.253		7.000	3.253	400		400
c Công trình triển khai thực hiện																				
1	Trung tâm hành chính xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ	Xây dựng tại vị trí mới ấp Thạnh Phú, xã TQ	Xây dựng mới diện tích sàn 906m2 phục vụ 28 CB, CC xã, các hạng mục phụ trợ, thiết bị. Diện tích sử dụng đất 3.000m2 đất công	2021-2025	QĐ số 2324/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	11.188		7.200	3.988	406			406	406			406	1.600		1.600
IV LĨNH VỰC GIAO THÔNG																				
a Công trình chuyển tiếp																				
1	Đường liên ấp Tân Nhơn - Tân Thạnh, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ	Tân Hạnh	Dài 3.768m, rộng 3,5m, tải trọng 5 tấn	2019-2021	QĐ số 5428/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	12.620		9.500	3.120	9.499		7.000	2.499	9.499		7.000	2.499	490		490
2	Đường liên ấp Tân Thuận - Tân Thạnh, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ	Tân Hạnh	Dài 3.760m, rộng 3,5m, tải trọng 5 tấn	2019-2021	QĐ số 5429/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	12.362		8.100	4.262	11.286		8.100	3.186	11.286		8.100	3.186	500		500
3	Cầu Mương Khai 2, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ	Tân Hạnh	Dài 30m, rộng 4,4m, tải trọng 8 tấn	2019-2021	QĐ số 5430/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	5.290		4.100	1.190	4.554		4.100	454	4.554		4.100	454	119		119
4	Đường vào trung tâm xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ	Thanh Quới	Dài 2.900m, rộng 3,5m, tải trọng 5 tấn	2019-2022	QĐ số 5446a/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	10.119		6.500	3.619	8.250		6.500	1.750	8.250		6.500	1.750	900		900
b Công trình triển khai thực hiện																				
1	Cầu Hòa Phú, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ	Hòa Phú	Dài 45m, rộng 4,4m, tải trọng 8 tấn	2019-2022	QĐ số 2756/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.275		5.000	2.275	218			218	218			218	1.150		1.150
2	Đường từ Cổng hờ Long Công - cầu Cây Sao, xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ	Thanh Quới	Đường dài 4.366m; nền 6,5m; mặt nhựa 3,5m, Cầu rộng 4,4m, cầu Vườn Xoài Nhỏ dài 32m, cầu Tuổi Trẻ dài 15m	2021-2025	2709/QĐ-UBND ngày 09/10/2020	19.866		12.500	7.366	500			500	500			500	2.500		2.500
3	Đường từ cầu Cườm Nga – đập Long Công, xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ	Thanh Quới	dài 2.900m; nền 6,5m; mặt nhựa 3,5m	2021-2025	QĐ số 2315/QĐ-UBND ngày 31/8/2020	13.245		8.800	4.445	350			350	350			350	100		100
4	Cầu Phú Thạnh, xã Phú Quới, huyện Long Hồ	Phú Quới	dài 45m; khổ cầu rộng 8m, mặt cầu thông xe rộng 5,5m tải trọng 10 tấn, đường vào cầu dài 50m, mặt láng nhựa 8m	2021-2025	QĐ số 2311/QĐ-UBND ngày 31/8/2020, - QĐ số 2964/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	19.209		9.400	9.809	322			322	322			322	4.000		4.000
5	Đường từ khu vượt lũ giai đoạn 1 - khu vượt lũ giai đoạn 2, xã Phú Quới, huyện Long Hồ	Phú Quới	Phần đường dài 648m; nền 6,5m; mặt nhựa 4m. Cầu rộng 4,4m, cầu Phước Yên dài 30m. Vĩa hè mỗi bên rộng 3m dài 300m, nền đường rộng 10m-12m.	2021-2025	QĐ số 2703/QĐ-UBND ngày 09/10/2020	26.815		17.000	9.815	0			0	0			1.500		1.500	
6	Đường từ cầu Sáu Giăng - cầu Ba Dung, xã Phú Quới, huyện Long Hồ	Phú Quới	dài 2.000m; nền 6,5m; mặt nhựa 3,5m	2021-2025	QĐ số 2707/QĐ-UBND ngày 09/10/2020	10.870		7.700	3.170	0			0	0			1.000		1.000	
7	Đường từ cầu Hai Voi - đường số 1 khu công nghiệp, xã Phú Quới, huyện Long Hồ	Phú Quới	dài 2.500m; nền 6,5m; mặt nhựa 3,5m	2021-2025	QĐ số 2309/QĐ-UBND ngày 31/8/2020	10.700		6.300	4.400	0			0	0			1.500		1.500	
8	Đường từ cầu Hai Lai đến giáp Lộc Hòa, xã Phú Quới, huyện Long Hồ	Phú Quới	Phần đường dài 3.000m; nền 6,5m; mặt nhựa 3,5m. Cầu Phước Bình dài 27m, rộng 4,4m	2021-2025	2701/QĐ-UBND ngày 09/10/2020, - QĐ số 2964/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	21.247		13.000	8.247	0			0	0			3.000		3.000	
9	Cầu Vàm Bà Trai, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ	xã Tân Hạnh	dài 27m; rộng 4,4m, Đường vào cầu dài 120m, mặt láng nhựa 3,5-4m	2021-2025	QĐ số 6490/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	4.098		3.000	1.098	0			0	0			500		500	
10	Đường ấp Phú Long A, xã Phú Quới, huyện Long Hồ (từ QL1A cầu Phú Quới đến chợ Phú Quới)	xã Phú Quới	Dài 677,289m. Mặt đan: 3,0m dày 12cm. Mặt nền đường rộng: 4,0m. Lề đường mỗi bên rộng: 0,5m.	2021-2025	QĐ số 6492/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	2.546		1.600	946	0			0	0			500		500	
11	Đường ấp Phước Yên A, xã Phú Quới, huyện Long Hồ (Đường từ QL1A cầu Phú Quới - cầu Phú Quới cũ)	xã Phú Quới	Dài 1.225m. Mặt đan: 3,0m dày 12cm. Mặt nền đường rộng: 4,0m. Lề đường mỗi bên rộng: 0,5m.	2021-2025	QĐ số 6491/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	4.273		3.100	1.173	0			0	0			500		500	
12	Đường ấp Long Tân, xã Long An, huyện Long Hồ (từ Đình Hậu Thành - đập Ba Tiến)	xã Long An	Dài 2.846m. nền 4,0m; mặt nhựa 3,0m, lề mỗi bên 0,5m	2021-2025	QĐ số 2777/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	7.180		4.600	2.580	0			0	0			800		800	
V KHÁC																				
1	Khen thưởng công trình giao thông cho các xã đạt giải I, II, III					0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5.817	0	5.817
2	Kinh phí thanh toán, tất toán công trình giao thông Tài chính - Kế hoạch thống báo									0			0	0			1.100		1.100	
										0			0	0			4.717		4.717	